CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
ĐT: 37541890 Fax: 37541800
Email: aptco@apt.com.vn Web: www.apt.com.vn

Số: 02/NQ-HĐQT-2017

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

PHÊ DUYỆT VÀ BAN HÀNH ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

- Căn cứ vào luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ điểm B điều 3 nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cho phù hợp với những thay đổi của Luật doanh nghiệp 2014 và các Luật liên quan;

- Căn cứ điều 2 nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 về việc giao Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện những ủy quyền của Đại hội cổ đông cho Hội đồng quản trị tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015…vv

- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 01 / 03 / 2017.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 – Thông qua điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn đã được sửa đổi, bổ sung.

- Tỷ lệ đồng ý: 3/3 thành viên dự họp, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 2- Ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn đã được sửa đổi bổ sung từ ngày .01/03/2017.. Điều lệ được lập thành 10 (mười bản chính) có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Điều lệ được đăng tải trên trang web của Công ty (http://www.apt.com.vn), mục thông tin cổ đông.

- Tỷ lệ đồng ý: 3/3 thành viên dự họp, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 3- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và được gửi đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, đăng tải trên trang web Công ty

(http://www.apt.com.vn) cho toàn thể cổ đông, tập thể người lao động Công ty biết và thực hiện.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN PHÁT MINH

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu TK HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
Lô 4-6-8, Đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam
ĐT: 37541802 Fax: 37541808
Email: apt@apt.com.vn Web: www.apt.com.vn

Số: 02/BB-HĐQT/2017

TP. Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 03 năm 2017

M.S.D.N: 0300528755 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN Q. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN
Họp Hội Đồng Quản Trị

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn;

Hôm nay, vào lúc 16h00 , ngày 01 tháng 03 năm 2017 tại trụ sở Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn lô 4-6-8 đường số 1A Khu CN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM. thành phần tham dự gồm có:

1. Ông TRẦN PHÁT MINH - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;
2. Ông NGUYỄN LÂM VINH HUY - Chức vụ: Thành viên HĐQT;
3. Ông TRƯƠNG TIẾN DŨNG - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ.

- Chủ toạ : Ông TRẦN PHÁT MINH.
- Thư ký : Ông NGUYỄN BẢO SƠN.

Khách mời tham dự:

1. Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
2. Ông Ngô Văn Khương: Phó Tổng Giám đốc;
3. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám đốc;
4. Ông Nguyễn Tri Hiếu: Phó Tổng Giám đốc;
5. Bà Đoàn Thị Thu Hà: Kế toán trưởng.

NỘI DUNG CUỘC HỌP:

- Căn cứ điểm B điều 3 nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cho phù hợp với những thay đổi của Luật doanh nghiệp 2014 và các Luật liên quan;

- Căn cứ điều 2 nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 về việc giao Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện những ủy quyền của Đại hội cổ đông cho Hội đồng quản trị tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015...vv.

Hội đồng Quản trị Công ty APT quyết định triệu tập cuộc họp để thông qua việc phê duyệt điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài

Gòn đã được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với luật doanh nghiệp năm 2014 theo nghị quyết đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015, nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

I. BÁO CÁO QUÁ TRÌNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.

- Ông Nguyễn Trí Hiếu Phó Tổng Giám đốc, tổ trưởng tổ nghiên cứu, sửa đổi điều lệ Công ty báo cáo tóm tắt quá trình sửa đổi, bổ sung điều lệ.

- Ông Nguyễn Bảo Sơn Thư ký Hội đồng quản trị, tổ phó tổ nghiên cứu, sửa đổi điều lệ đã trình bày văn bản số 1482/TCT-KH&ĐTTC ngày 14/09/2016 của Tổng công ty TM Sài Gòn TNHH MTV (SATRA) góp ý kiến về dự thảo sử đổi bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động công ty APT và trình bày toàn bộ nội dung điều lệ tổ chức hoạt động Công ty APT đã được sửa đổi bổ sung sau các góp ý của Hội đồng Quản trị và SATRA.

Sau khi xem xét từng điều khoản, đối chiếu Luật doanh nghiệp 2014, nghe giải trình của Tổ nghiên cứu, sửa đổi điều lệ. Hội đồng quản trị đã kết luận như sau:

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Hội Đồng Quản trị đã đồng ý Thông qua điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn đã được sửa đổi, bổ sung

- Tỷ lệ đồng ý: 3/3 thành viên dự họp, chiếm tỷ lệ 100%.

2. Hội Đồng Quản trị đã đồng ý Ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn đã được sửa đổi bổ sung từ ngày 01/03/2017. Điều lệ được lập thành 10 (mười bản chính) có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

- Tỷ lệ đồng ý: 3/3 thành viên dự họp, chiếm tỷ lệ 100%.

Cuộc họp kết thúc lúc 16h30 cùng ngày. Biên bản này đã được đọc lại cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe. Tất cả thành viên tham dự đồng ý nội dung biên bản và cùng ký tên xác nhận.

Chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị | **Thư ký HĐQT**

TRẦN PHÁT MINH | *Nguyễn Bảo Sơn*

TRƯƠNG TIẾN DŨNG | *NGUYỄN LÂM VINH HUY*

Nơi nhận:
- HĐQT;
- Ban TGĐ-BKS (để thông tin);
- Lưu VT, TK.HĐQT.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1: Giải thích từ ngữ. 3

Điều 2: Tên, Hình thức, Trụ sở chính, Người đại diện theo pháp luật, Các đơn vị trực thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty. 4

Điều 3: Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu của Công ty. 4

Điều 4: Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị, chính trị xã hội khác. 6

CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU. 6

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. 6

Điều 6: Phát hành cổ phần, trái phiếu 6

Điều 7: Mua lại cổ phần. 7

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần 8

Điều 9: Thừa kế cổ phần. 9

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG. 10

Điều 10: Cổ đông sáng lập. 10

Điều 11: Quyền của cổ đông 10

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông. 11

Điều 13: Ủy quyền. 12

CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY. 12

Điều 14: Cơ cấu tổ chức, quản lý Công ty. 12

Điều 15: Đại hội đồng cổ đông 12

Điều 16: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. 13

Điều 17: Thông báo, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông. 15

Điều 18: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. 16

Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. 16

Điều 20: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 21: Thông qua nghị quyết bằng văn bản. 19

Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. 21

Điều 23: Hội đồng quản trị. 22

Điều 24: Chủ tịch Hội đồng quản trị. 24

Điều 25: Họp Hội đồng quản trị. 25
Điều 26: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. 27
Điều 27: Tổng Giám đốc. 28
Điều 28: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. 29
Điều 29: Ban kiểm soát. 30
Điều 30: Những vấn đề khác liên quan đến Ban kiểm soát. 32
Điều 31: Nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty. 33
Điều 32: Trách nhiệm và bồi thường trách nhiệm. 33
Điều 33: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 34
CHƯƠNG V: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, TRẢ CỔ TỨC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ. 35
Điều 34: Con dấu, Hệ thống kế toán, Báo cáo tài chính, Năm tài chính và Tài khoản ngân hàng của Công ty. 35
Điều 35: Phân phối lợi nhuận sau thuế. 36
Điều 36: Cổ tức. 36
Điều 37: Giải quyết tranh chấp nội bộ. 38
Điều 38: Chấm dứt hoạt động 38
Điều 39: Thanh lý Công ty. 39
CHƯƠNG VI: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ. 40
Điều 40: Sửa đổi, bổ sung điều lệ. 40
Điều 41: Ngày hiệu lực. 40

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn. Điều lệ này và các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ và phù hợp với pháp luật sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền sửa đổi, thông qua theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Điều lệ này đã được Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2017 theo nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-2017 ngày 01/03/2017.

CHƯƠNG I : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.

Điều 1: Giải thích từ ngữ.

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây sẽ được hiểu như sau:

- ***"Công ty"*** được hiểu là Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn.

- ***"Cổ đông"*** là mọi thể nhân và pháp nhân đang sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

- ***"Đại hội đồng cổ đông"*** được hiểu là toàn bộ các cổ đông hoặc đại diện cổ đông của Công ty.

- ***"Vốn điều lệ"*** của Công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ Công ty.

- ***"Người quản lý"*** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

- ***"Luật Doanh nghiệp"*** được hiểu là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

- ***"Người có liên quan"*** là tổ chức, cá nhân được qui định tại khoản 17, Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Một số từ viết tắt:

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2: Tên, Hình thức, Trụ sở chính, Người đại diện theo pháp luật, các đơn vị trực thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

SAI GON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: **APT Co.**

2. Công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn là Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở Công ty đặt tại: Lô 4-6-8 Đường 1A, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty.

5. Các phòng, ban, chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Công ty được thành lập theo Nghị quyết của HĐQT.

6. Công ty có thể thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi hoặc giải thể Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh khác để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 38 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Điều 3: Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu của Công ty.

1. Ngành nghề kinh doanh:

Nuôi trồng thủy sản; Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; Mua bán, chế biến thủy hải sản; Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc; Chế biến nước mắm, nước chấm; Sản xuất nước đá; Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại; Sản xuất, mua bán gaz NH3; Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp; Mua bán xăng dầu nhớt các loại; Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến; Mua bán bao bì, panel nhựa xốp; Mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh; Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng; Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu; Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis; Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh; Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí; Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn thực phẩm khác. mua bán rau, quả tươi đông lạnh hoặc được bảo quản chế biến; sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; bánh, mứt, kẹo; thực phẩm khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chế biến và đóng hộp thịt; Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt khác; Chế biến và đóng hộp rau quả; Chế biến và bảo quản rau quả khác.

Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật cho phép nếu Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết và được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký, thông báo theo qui định của Luật Doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

- Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Điều 4: Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị, chính trị xã hội khác.

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG II: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, tỷ lệ sỡ hữu của nhà đầu tư nước ngoài

1. Vốn điều lệ của Công ty là 88.000.000.000 đồng *(tám mươi tám tỷ đồng)*.

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.800.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các qui định pháp luật.

3. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Sau khi mua cổ phần và được ghi tên trong *"Sổ đăng ký cổ đông"* của Công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí cổ phiếu dưới hình thức *"Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần"* tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Số lượng cổ phần mua hay bán của cổ đông sẽ được bộ phận quản lý *"Sổ đăng ký cổ đông"* ghi tăng, giảm trên Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông đó.

4. Trong trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, rách, hư hỏng, nhòe, mờ ... hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông có quyền đề nghị Công ty cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới theo các thủ tục của công ty, quy định pháp luật và cổ đông phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tuân theo qui định của pháp luật doanh nghiệp, phụ thuộc vào ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện theo qui định pháp luật. Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty có thể đạt tối đa là 100% hoặc tỷ lệ khác.

Điều 6: Phát hành cổ phần, trái phiếu.

1. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phần, trái phiếu chuyển đổi và các quyền kèm theo để tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp

Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

3. Việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi có tổng giá trị vốn huy động nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định. Các trường hợp khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 7: Mua lại cổ phần.

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

1.1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản. Trong đó, nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

1.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá thoả thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) trên tổng số cổ phần phổ thông đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.3 Điều này;

2.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

3. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán khi xét thấy cần thiết. Việc chào bán cổ phần ngân quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần.

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ những trường hợp được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này. Việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ đúng *"Quy chế chuyển nhượng cổ phần"* do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ

phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

3. Cổ phần thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm chỉ được chuyển nhượng khi được sự chấp thuận của hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và được ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường Chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phiếu phải tuân theo các quy định của pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán.

Điều 9: Thừa kế cổ phần.

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp cổ đông qua đời và chỉ có một người thừa kế duy nhất theo luật định, Công ty sẽ công nhận người thừa kế duy nhất đó có quyền sở hữu toàn bộ cổ phần của người đã mất.

3. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế theo pháp luật:

3.1. Nếu những người cùng thừa kế thống nhất cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng theo đúng quy định pháp luật thì người đại diện đó sẽ được Công ty công nhận là người có quyền sở hữu toàn bộ cổ phần của người đã mất.

3.2. Nếu những người cùng thừa kế thống nhất phân chia số cổ phần thừa kế và được lập thành văn bản có công chứng theo đúng quy định pháp luật thì Công ty sẽ công nhận những người cùng thừa kế này là cổ đông của Công ty tương ứng với số cổ phần mà họ được thừa kế.

3.3. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người cùng thừa kế theo pháp luật.

3.4. Trong thời gian đang tranh chấp, Công ty tạm thời phong toả số cổ phần đang tranh chấp đó cho đến khi việc tranh chấp được giải quyết xong và có người đại diện hợp pháp.

4. Khi có quyền thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.

5. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế và không có di chúc để lại, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác được thừa kế về quyền sở hữu, nhưng không được thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác.

CHƯƠNG III : QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.

Điều 10: Cổ đông sáng lập.

1. Cổ đông sáng lập là các cổ đông thỏa mãn các điều kiện sau:

1.1. Tham gia thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập.

1.2. Cùng nhau nắm giữ ít nhất hai mươi phần trăm (20%) số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

1.3. Sở hữu từ năm phần trăm (05%) vốn điều lệ Công ty trở lên.

2. Danh sách cổ đông sáng lập được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua và được ghi vào phụ lục 1. Phụ lục 1 là một phần không tách rời của Điều lệ này.

Điều 11: Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

1.1. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

1.2. Nhận cổ tức hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ khi Công ty phát hành thêm cổ phần.

1.4. Được tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.5. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính mình trong Sổ đăng ký cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

1.6. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu.

1.7. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình quy định tại **khoản 1 Điều 7** Điều lệ này.

1.8 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1.9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, có các quyền sau:

2.1. Đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội Đồng quản trị và Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Xem và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính nửa (1/2) năm, hàng năm của Công ty và các báo cáo của Ban kiểm soát.

2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2.2. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải có đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2.3. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông.

1. Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thời gian và thủ tục quy định; đồng thời chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13: Ủy quyền.

1. Cổ đông được ủy quyền cho một hoặc một số người thay mặt mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền của mỗi người.

2. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông và không được ủy quyền tiếp cho người khác.

3. Văn bản ủy quyền phải được ký bởi người ủy quyền đối với trường hợp cổ đông là thể nhân và phải được ký và đóng dấu (nếu có) bởi người đại diện theo pháp luật đối vời trường hợp cổ đông là pháp nhân và người được ủy quyền.

4. Đại diện được ủy quyền có thể bị thu hồi quyền bởi văn bản chấm dứt ủy quyền do cổ đông ủy quyền ký, đóng dấu (nếu có).

5. Trường hợp cổ đông là pháp nhân được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông pháp nhân, thì cổ đông mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về việc công nhận cổ đông, số cổ phần sở hữu.

CHƯƠNG IV : TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.

Điều 14: Cơ cấu tổ chức, quản lý Công ty.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc;
5. Các phòng ban, chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Công ty.

Điều 15: Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

2.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

2.3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

2.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên /thành viên Ban kiểm soát;

2.5. Được báo cáo mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.6. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

2.7. Quyết định việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 28 Điều lệ này.

2.8. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

2.9. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

2.10. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

2.11. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

2.12. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

2.13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 16: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đồng họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng , kể từ ngày kết thúc năm tài chính, thời gian tổ chức Đại hội theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

2.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

2.2. Báo cáo tài chính hằng năm;

2.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

2.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc;

2.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát;

2.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

2.7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

3.2. Số thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo qui định của pháp luật.

3.3. Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ hoặc có cơ sở nêu tại khoản 3.1 và khoản 3.2 Điều này.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty, Ban kiểm soát phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5 Điều này, thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp... theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty chi trả. Những chi phí này không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và chi tiêu của cổ đông khi tham dự Đại hội.

Điều 17: Thông báo, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của cổ đông tại Công ty, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề để đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, những nội dung kiến nghị đưa vào chương trình Đại hội.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu:

5.1. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn;

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

5.3. Kiến nghị không đủ nội dung, thông tin cần thiết;

5.4. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 18: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết..

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.

2. Việc bầu Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng ban kiểm

soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.3. Chủ toạ cử tối đa không quá ba (03) người làm thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu tối đa chín (09) người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau:

8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

8.2. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

8.3. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 20: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:

2.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

2.2. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

2.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được bầu theo hình thức thông thường. Mỗi cổ đông có số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sỡ hữu. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hain (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) trên tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

6.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;

6.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 21: Thông qua nghị quyết bằng văn bản.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của từng cổ đông chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

3.2. Mục đích lấy ý kiến;

3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là tổ chức hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

4.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

4.2. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu biểu quyết tán thành.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

6. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và mã số doanh nghiệp;

6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;

6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết. Trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

6.5. Các vấn đề đã được thông qua;

6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

6.7. Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;

1.4. Họ tên Chủ toạ và thư ký;

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23: Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có từ ba đến mười một (03-11) thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam tối thiểu là một phần ba (1/3) thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

3.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

3.2. Là cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên năm phần trăm (05%) trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và được cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này đề cử.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác, có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành, quản lý Công ty.

5. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

5.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

5.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

5.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

5.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

5.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Điều lệ này;

5.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, mua hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

5.7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

5.8. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

5.10. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

5.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc, quy chế tài chính Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

5.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

5.13. Trình báo cáo tài chính năm lên Đại hội đồng cổ đông;

5.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

5.15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

5.16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng quản trị theo Quy chế tài chính của Công ty.

8. Trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản và có đầy đủ các tài liệu chứng minh.

Điều 24: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ

Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty nếu pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;

2.3. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

2.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

2.5. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; cuộc họp Hội đồng quản trị;

2.6. Trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

2.7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không có văn bản ủy quyền cho thành viên nào khác thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, thì trong thời hạn mười (10) ngày, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo qui định luật doanh nghiệp.

Điều 25: Họp Hội đồng quản trị.

1. ***"Họp thường kỳ":*** Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị bất kỳ lúc nào (nếu cần) và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một (01) lần.

2. ***"Họp bất thường":*** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn

bản, nêu rõ mục đích và lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng sau đây:

2.1. Ban kiểm soát;

2.2. Tổng Giám đốchoặc ít nhất hai (02) người quản lý khác;

2.3. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.

3. ***"Địa điểm họp":*** Do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định và được các thành viên khác nhất trí. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

4. ***"Thông báo và chương trình họp":*** Các thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi thông báo họp Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối tham dự họp bằng văn bản. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian họp, địa điểm họp, những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp trực tiếp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác.

5. ***"Số lượng thành viên tham dự tối thiểu":*** Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. ***"Biểu quyết":*** Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

6.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện.

7. ***"Biểu quyết đa số":*** Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết đa số quá bán. Nếu số phiếu tán tành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. ***"Biểu quyết vắng mặt":*** Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. ***"Biên bản họp Hội đồng quản trị" :*** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp ký.

10. "Mời họp dự thính": Hội đồng quản trị có thể mời Ban kiểm soát, một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia khác tham dự họp Hội đồng quản trị. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết.

11. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 điều 25 điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

12. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên/ Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này;

1.2. Có đơn xin từ chức;

1.3. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

1.4. Bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) thành viên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời

hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để bổ sung thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp cổ đông Nhà nước, cổ đông tổ chức thay đổi người đại diện phần vốn Nhà nước, tổ chức đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị thì người thay thế đương nhiên trở thành thành viên Hội đồng quản trị trong khoảng thời gian còn lại của nhiệm kỳ. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông viêc thay đổi này tại phiên họp gần nhất.

Điều 27: Tổng Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ làm Tổng Giám đốc hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc, đồng thời phải ký hợp đồng lao động quy định rõ mức lương, thù lao, quyền lợi và các điều kiện khác của hợp đồng.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm, trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm lại. Nếu Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc, thì Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Công ty:

3.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

3.2. Là cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (0 5%) vốn điều lệ của Công ty hoặc người không phải là cổ đông, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

4.2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

4.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

4.4. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi phần

trăm (30%) trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

4.5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức; quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ, trừ Quy chế làm việc và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

4.7. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

4.8. Tuyển dụng lao động;

4.9. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

4.10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.

7. Nếu đa số thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành, thì Hội đồng quản trị sẽ bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 28: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

1.1. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan của họ;

1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc những người có liên quan của họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo các thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 29: Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát Công ty có từ ba đến năm (03-05) thành viên và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên/thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên/thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên/thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên/thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Trong số các Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát, phải có ít nhất một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán. Các Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát:

3.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

3.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

3.3. Trường hợp Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên ban kiểm soát phải tuân theo qui định pháp luật chứng khoán có liên quan.

4. Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

5.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

5.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

5.4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5.5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

5.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5.9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30: Những vấn đề khác liên quan đến Ban kiểm soát.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty, Thư ký Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các biên bản họp Hội đồng quản trị cũng sẽ phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát khuyết so với quy định tại khoản 1 Điều 29 Điều lệ này thì Hội đồng quản trị chỉ định bổ sung tạm thời theo đề nghị của Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong kỳ Đại hội gần nhất.

3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

3.1. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;

3.2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo của các Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát;

3.3. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

3.4. Phân công công việc cho các Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.

4. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải là hai (02) thành viên.

5. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy chế tài chính của Công ty hoặc theo qui định pháp luật.

6. Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

6.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.

6.2. Có đơn xin từ chức.

6.3. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

6.4. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp cổ đông Nhà nước, tổ chức thay đổi người đại diện phần vốn Nhà nước, tổ chức đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát thì người thay thế đương nhiên trở thành Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát trong khoảng thời gian còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc thay đổi này tại phiên họp gần nhất.

8. Trường hợp Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ của mình và gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Điều 31: Nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty.

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, có trách nhiệm, vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty;

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác; không được chuyển tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 32: Trách nhiệm và bồi thường trách nhiệm.

1. ***Trách nhiệm:*** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vì lợi ích cá nhân, cố tình vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm, không trung thực phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất khi gây thiệt hại cho Công ty.

2. ***Bồi thường trách nhiệm:*** Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố *(trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện)* trong các trường hợp sau:

2.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

2.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

2.3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người là thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý... đó để tránh phải chi trả các khoản bồi thường nêu trên.

Điều 33: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách (nếu có) được trả bằng mức lương Tổng giám đốc hiện hành. Thù lao Trưởng ban kiểm soát chuyên trách (nếu có) được trả bằng mức lương Kế toán trưởng.

3. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương (nếu có) và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

5. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và được Chủ tịch HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất.

6. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công ty được thực hiện theo Quy định tại Điều 159 của Luật doanh nghiệp 2014.

CHƯƠNG V : NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, TRẢ CỔ TỨC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.

Điều 34: Con dấu, Hệ thống kế toán, Báo cáo tài chính, Năm tài chính và Tài khoản ngân hàng của Công ty.

1. Mọi trường hợp thay đổi con dấu hiện hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định về số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu. Hội đồng quản trị quyết định việc thông qua con dấu mới chính thức của Công ty.

1.1. Nếu có sự thay đổi, con dấu Công ty phải tuân thủ nội dung, hình thức theo qui định pháp luật và con dấu mới phải được công bố theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

1.2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc ký và đóng dấu Công ty. Việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

1.3. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

2. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS). Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét.

4. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:

4.1. Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh báo cáo tài chính;

4.2. Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính;

4.3. Báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty; việc lựa chọn đơn vị kiểm toán do Hội đồng quản trị quyết định.

4.4. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức.

4.5. Các báo cáo khác theo qui định pháp luật.

5. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

6. Công ty được mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 35: Phân phối lợi nhuận sau thuế - chia lỗ.

Trước khi chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty sau khi trừ thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được trích như sau:

1. Quỹ dự phòng tài chính: mức trích hàng năm không quá năm phần trăm (05%) lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

2. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông thông qua bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển : tối đa là mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế;

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : tối đa là mười lăm phần trăm (15%) lợi nhuận sau thuế.

3. Các cổ đông cùng chịu lỗ tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty.

Điều 36: Cổ tức.

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty, sau khi đã được trích các khoản theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này. Mức cổ tức cụ thể hàng năm, hình thức chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Cổ tức sẽ được chi trả theo tổng số cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.

4. Trường hợp cổ đông chưa đến nhận cổ tức, Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.

5. Cổ tức được chi trả bằng Đồng Việt Nam và có thể chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác của Công ty. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

7. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

7.1. Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

7.2. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

7.3. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

7.4. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

7.5. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

7.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác đoợc quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

10. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 37: Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa: một hoặc nhiều cổ đông với Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hòa giải được trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, thì vấn đề tranh chấp sẽ được đệ trình lên Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật hiên hành. Phán quyết của Tòa án đã có hiệu lực thi hành sẽ là cơ sở cuối cùng để giải quyết tất cả các vấn đề tranh chấp.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra tòa xét xử, Tòa án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

Điều 38: Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

1.1. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

1.2. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 39: Thanh lý Công ty.

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc thuê chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1. Chi phí thanh lý Công ty;

3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;

3.3. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;

3.4. Các khoản vay (nếu có);

3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;

3.6. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG VI : SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.

Điều 40: Sửa đổi, bổ sung điều lệ.

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền sửa đổi một phần hoặc toàn bộ điều lệ này và trong trường hợp này mặc nhiên điều lệ do Hội đồng quản trị sửa đổi đã được Đại hội cổ đông chấp nhận thông qua.

2. Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 41: Ngày hiệu lực.

Điều lệ này bao gồm sáu (06) Chương và bốn mươi mốt (41) Điều, đã được Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2017 theo nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-2017.

1. Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2017 và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông của Công ty.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản chính và có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật mới có giá trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT	TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trương Tiến Dũng	Trần Phát Minh

M.S.D.N: 0300923753 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
Q.BÌNH TÂN - TP.HỒ CHÍ MINH